

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS-ST

Ngày: 19- 6 - 2020

Về việc Tranh chấp dân sự về
chia tài sản sau ly hôn - Thuê tài
sản - Hợp đồng vay – Thế chấp tài
sản và Đòi lại tài sản – Quyền sở
hữu về tài sản - Bồi thường thiệt
hại về danh dự nhân phẩm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nhân

2. Ông Trần Văn Truyện

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Jet- Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên
tòa:** Ông Huỳnh Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét
xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2020/TLST-DS ngày 03 tháng
02 năm 2020. Về việc “ Tranh chấp dân sự về chia tài sản sau ly hôn - Thuê tài
sản - Hợp đồng vay – Thế chấp tài sản và Đòi lại tài sản – Quyền sở hữu về tài
sản - Bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm, theo Quyết định hoãn phiên
tòa số: 221/2020/TB-TA ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Thanh H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Trương Thị Hồng M, sinh năm 1948

Nguyễn Văn T, sinh năm 1946

Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn Việt Nam
– Người đại diện: Ông Tiết Văn T – chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số 02, đường L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền: Ông Khương Văn B – chức vụ: Giám đốc
Agribank chi nhánh thành phố Cao Lãnh.

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Tháp Mười.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đăng N, chức vụ: Giám đốc.

Lê Trung G, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phước 1, xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm: 1994

Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm: 1998

Nguyễn Thanh N, sinh năm: 2005

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông P, chị N, anh H, ông T, T1, T2 có mặt)

(Nguyễn Thanh N, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn
Việt Nam có đơn xin vắng mặt).

(Bà M, chị D, ông G, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tháp Mười vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N có ông P đại diện và chị N trình bày: Chị Nguyễn Thị Kim N với anh Nguyễn Thanh H là vợ chồng được Tòa án cho ly hôn vào ngày 01/12/2016. Nhưng tài sản chung vợ chồng gồm diện tích 315m², đất (LN), tờ bản đồ số 04, thửa số 990, tọa lạc xã M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp do chị N đứng tên ngày 01/8/2003 và diện tích 8.022,84 m², đất (L), tờ bản đồ số 01, thửa số 2237; diện tích 5.800m², đất (L), tờ bản đồ số 01, thửa số 18, cùng tọa lạc xã M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp do anh H đứng tên ngày 04/12/2007; 01 xe Dream biển số 66 M – 07957 anh Hồng đứng tên trị giá 4.000.000đồng, anh Hồng giữ; 01 xe wave RS biển số 66M – 24242 anh Hồng đứng tên, anh H đang giữ, trị giá 15.000.000đồng; 24 cây mai trị giá 171.500.000đồng (trong đó có 14 cây mai ông T, bà M Tranh chấp), 20.000.000đồng hùn vốn trạm bơm hiện nay ông H đã nhận lại, nhưng ly hôn chưa được giải quyết. Về tài sản yêu cầu chia đôi.

Sau đó, năm 2017 tiếp tục sống chung và làm chung ăn chung. Năm 2019 chấm dứt không còn sống chung; vụ 2 năm 2019 vào ngày 21/8/2019 al chị

N bán lúa cho anh N $7.619\text{kg} \times 5.500\text{đ/kg} = 41.904.000\text{đồng}$ và ngày 29/8/2019aị chị N bán lúa cho anh N $30.076\text{kg} \times 5.600\text{đ/kg} = 168.425.000\text{đồng}$. Tổng cộng 210.425.000đồng anh Như đã trả cho anh H. Yêu cầu anh H trả 210.425.000đồng. Trong đó N nhận 17.000.000đồng tiền cọc + 1.000.000đồng nợ N = 18.000.000đồng; Ông Hồng giữ 192.425.000đồng, chị N đồng ý ông H trả tiền phân 70.000.000đồng, tiền xới đất 15.000.000đ, trả tiền mướn đất cho cha khoản 30.000.000đồng, trả tiền công cắt lúa 12.000.000đồng. Tổng cộng đồng ý ông H chỉ 127.000.000đồng. Ông H còn phải trả lại 65.000.000đồng.

Đối với khoản chi phí khác 10.000.000đồng không có, thay bánh xích kobe 40.000.000đồng không đồng ý lý do ruộng chị N thuê chị N chịu trách nhiệm, còn kobe ông H thuê làm thì ông H xuất tiền thay bánh xích và theo thỏa thuận sau ly hôn ngày 22/11/2016 thì tiền nợ Ngân hàng chính sách anh H trả, nên không đồng ý số tiền 15.000.000đồng H trả Ngân hàng.

Ngoài ra, anh H còn xúc phạm nhân dự nhân phẩm chị Ngọc nhiều lần như nói chị Ngọc lấy trai nơi đông người làm cho chị N xấu hổ ... Chị N yêu cầu anh Nguyễn Thanh H chấp dứt và không được xúc phạm danh dự nhân phẩm và ông H phải công khai xin lỗi theo quy định của pháp luật.

Số tiền vay 500.000.000đồng ngày 10/4/2017, còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cao Lãnh, số tiền 200.000.000đồng. Chị H đồng trả 150.000.000đồng và lãi, chị N đã trả xong; anh H trả 50.000.000đồng và lãi. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Cao Lãnh trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp.

Chị N không thừa nhận có vay tiền của ông G, nên yêu cầu ông G trả lại giấy chứng nhận QSDĐ diện tích 315m^2 , đất (LN), tờ bản đồ số 04, thửa số 990, tọa lạc xã M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp do chị N đứng tên ngày 01/8/2003.

Chị N không thừa nhận có nợ ông T, bà M gồm 23 chỉ vàng 24k, tương đương 92.000.000đồng mượn năm 1995; 100 gia lúa, tương đương 10.000.000đồng mượn năm 1996; 100.000.000đồng mượn năm 2000; năm 2002 anh H, chị N vay của bà T 15.000.000đồng sau đó bà M trả thay đến nay anh H, chị N chưa trả lại; nợ tiền công cắt lúa 03 năm (từ năm 2010 – 2012) số tiền 30.000.000đồng; nợ 3.000.000đồng tiền cọc lúa năm 2016 và tiền thuê kobe từ năm 2011 – 2016 nợ số tiền 360.000.000đồng, nên không đồng ý cùng ông H trả nợ bà M và ông T và chị N không đồng ý 14 cây mai có 07 năm tuổi, trị giá 150.000.000đồng của ông T, bà M.

- Anh Nguyễn Thanh H ý kiến: Chị Nguyễn Thị Kim N với anh Nguyễn Thanh H là vợ chồng được Tòa án cho ly hôn vào ngày 01/12/2016. Nhưng tài sản chung vợ chồng gồm diện tích 315m^2 , đất (LN), tờ bản đồ số 04, thửa số 990, tọa lạc xã M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp do chị N đứng tên ngày 01/8/2003 và diện tích $8.022,84\text{m}^2$, đất (L), tờ bản đồ số 01, thửa số 2237, diện tích 5.800m^2 , đất (L), tờ bản đồ số 01, thửa số 18, cùng tọa lạc xã M, huyện

Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp do anh H đứng tên ngày 04/12/2007; 01 xe Dream biển số 66 M – 07957 anh H đứng tên trị giá 4.000.000đồng, anh H giữ; 01 xe wave RS biển số 66M – 24242 anh H đứng tên, anh H đang giữ, trị giá 15.000.000đồng; 10 cây mai trị giá 21.500.000đồng (còn lại 14 cây mai trị giá 150.000.000đồng là của cha, mẹ). Không đồng ý chia hai tài sản theo yêu cầu của N, chỉ đồng ý chia tài sản sau khi trả dứt nợ ông T, bà M, trả G 300.000.000đồng, Thùy D và Ngân hàng chính sách.

Sau đó, năm 2017 tiếp tục sống chung và làm chung ăn chung. Năm 2019 chấm dứt không còn sống chung; vụ 2 năm 2019 vợ chồng còn sống chung, làm chung, ăn chung, nên vào ngày 21/8/2019a vợ chồng bán lúa cho anh N tổng cộng số tiền 210.425.000đồng; tôi nhận của Như 180.330.000đồng. N nhận 17.000.000đồng tiền cọc + 1.000.000đồng nợ Như = 18.000.000đồng; số tiền tôi nhận 180.330.000đồng (đã sử dụng trả tiền phân cho ông Hùng H số tiền khoản 75.000.000đồng, tiền xới đất 17.000.000đồng, trả tiền mướn đất cho cha khoản 32.000.000đồng, trả Ngân hàng chính sách 15.000.000đồng, trả tiền công cắt lúa 12.000.000đồng và chi phí khác khoản 10.000.000đồng, thay bánh xích kobe 40.000.000đồng. Ngoài ra, không còn chi khoản tiền nào khác. Tôi đã sử dụng hết số tiền nay như nói ở trên, tôi không đồng ý trả lại theo yêu cầu của N số tiền 65.000.000đồng.

Còn việc xúc phạm danh dự nhân phẩm N tôi cam kết và đồng ý không được tiếp tục xúc phạm, nếu còn vi phạm đồng ý đưa tôi ra trước nhân dân ấp 4, xã M để công khai xin lỗi.

Số tiền vay ngày 10/4/2017, còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cao Lãnh, số tiền 200.000.000đồng. Đồng ý chị N trả 150.000.000đồng và lãi; anh H trả 50.000.000đồng và lãi (anh H đã trả xong). Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Cao Lãnh trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp.

Số tiền vay của Giang ngày 10/4/2018 và 10/4/2019 là 300.000.000đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 315m², đất (LN), tờ bản đồ số 04, thửa số 990, tọa lạc xã M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp do N đứng tên ngày 01/8/2003. Sử dụng trả Ngân hàng Nông Nghiệp yêu cầu N trả lại tôi, để tôi trả lại G.

Nợ cha, mẹ là ông T, bà M chưa trả gồm 23 chỉ vàng 24k, tương đương 92.000.000đồng, mượn năm 1995; 100 gạ lúa, tương đương 10.000.000đồng, mượn năm 1996; 100.000.000đồng, mượn năm 2000; năm 2002 anh H, chị N vay của bà T 15.000.000đồng sau đó bà M trả thay đến nay anh H, chị N chưa trả lại; nợ tiền công cắt lúa 03 năm (từ năm 2010 – 2012) số tiền 30.000.000đồng; nợ 3.000.000đồng tiền cọc lúa năm 2016 và tiền thuê kobe từ năm 2011 – 2016, còn nợ số tiền 360.000.000đồng. Đồng ý tôi và N trả.

- Theo đơn khởi kiện của bà Trương Thị Hồng M, ông Nguyễn Văn T yêu cầu chị N, anh H trả 23 chỉ vàng 24k, tương đương 92.000.000đồng, mượn năm 1995; 100 gạ lúa, tương đương 10.000.000đồng, mượn năm 1996;

100.000.000đồng, mượn năm 2000; năm 2002 anh H, chị N vay của bà T 15.000.000đồng sau đó bà M trả thay đến nay anh H, chị N chưa trả lại; nợ tiền công cắt lúa 03 năm (từ năm 2010 – 2012) số tiền 30.000.000đồng; nợ 3.000.000đồng tiền cọc lúa năm 2016 và tiền thuê kobe từ năm 2011 – 2016 còn nợ số tiền 360.000.000đồng và yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim N trả lại 14 cây mai có 07 năm tuổi, trị giá 150.000.000đồng.

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cao Lãnh, ý kiến: Đồng ý anh H, chị N còn nợ gốc số tiền 200.000.000đồng. Đồng ý chị H trả 150.000.000đồng và lãi; anh Hồng trả 50.000.000đồng và lãi. Anh H và chị N đã trả nợ xong, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Cao Lãnh. Không yêu cầu giải quyết.

- Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Thanh T2, Nguyễn Thanh N, ý kiến: Tài sản chung là của cha, mẹ, nên chị, em tôi không yêu cầu giải quyết.

- Ông Lê Trung G, ý kiến: Thừa nhận có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 315m², đất (LN), tờ bản đồ số 04, thửa số 990, tọa lạc xã M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp do chị N đứng tên ngày 01/8/2003. Do anh H giữ giữ, không có cho anh H vay tiền, nhưng anh H có làm 02 biên nhận nợ 300.000.000đồng.

- Nguyễn Thị Thùy D: Không có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết.

- Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Tháp Mười: Không có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Công nhận sự thỏa thuận của chị N, anh H chia đôi thửa 990, (đất (LN), tờ bản đồ số 04 và các thửa 2237, thửa 18, đất (L), cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc: xã M huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Công nhận sự thỏa thuận của chị N, anh H: Ông H được nhận 01 xe Dream biển số 66 M – 07957, trị giá 4.000.000đồng, anh H giữ; 01 xe wave RS biển số 66M – 24242, trị giá 15.000.000đồng và 10 cây mai trị giá 21.500.000đồng. Anh H phải trả giá trị lại chị Ngọc là 20.250.000đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông T, bà M yêu cầu anh H, chị N trả 14 cây mai trị giá 150.000.000đồng.

- Chấp nhận yêu cầu của chị N 14 cây mai trị giá 150.000.000đồng là tài sản chung, anh H được nhận 14 cây mai, nhưng trả giá trị cho chị Ngọc là 75.000.000đồng.

- Chấp nhận yêu cầu của chị N tiền bán lúa bán lúa vụ 02/2019 anh H giữ 65.000.000đồng, chị N giữ 18.000.000đồng là tài sản chung.

- Đình chỉ yêu cầu của chị N; ông T, bà M do rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và được nghe các đương sự phát biểu tranh luận:

Hội đồng xét xử nhận định:

[01] Xét 14 cây mai hiện chị N với ông T, bà M tranh chấp về quyền sở hữu. Theo các tài liệu chứng cứ và lời khai người làm chứng có trong hồ sơ xác nhận nguồn gốc đất trồng mai là của ông T, bà M đã cho chị N, anh H nhưng chưa sang tên, hiện trạng đất lúc cho là mương, sau đó chị N, anh H san lấp và dời mai về trồng trong đó có 14 cây mai tranh chấp và ông T, bà M không có thuê người sửa mai, việc thuê sửa mai là do chị N, anh H. Ông T, bà M không có chứng cứ chứng minh 14 cây mai tranh chấp do ông T, bà M trồng. Do đó ông T, bà M yêu cầu được sở hữu 14 cây mai là không phù hợp, nên không chấp nhận.

[02] Đối với diện tích đất trồng 14 cây mai tại phiên tòa chị N, anh H, ông T, bà M không có tranh chấp, nên không đặt vấn đề xem xét.

[03] Tại phiên tòa, anh H, chị N thừa nhận tiền bán lúa vụ 2/2019 tổng cộng 198.330.000đồng; anh H giữ 180.330.000đồng; chị N giữ 18.000.000đồng. Số tiền anh H nhận 180.330.000đồng (đã sử dụng trả tiền phân 75.000.000đồng, tiền xới đất 17.000.000đồng, trả tiền mướn đất 32.000.000đồng, trả tiền công cấy lúa 12.000.000đồng, các khoản chi này chị N chấp nhận, nên không xem xét; Còn lại 65.000.000đồng gồm chi phí khác 10.000.000đồng là không có; trả Ngân hàng chính sách 15.000.000đồng theo thỏa thuận ngày 22/11/2016 thì số tiền trả Ngân hàng là nghĩa vụ của anh H; tiền thay bánh xích kober 40.000.000đồng phát sinh sau khi anh H, chị N chấm dứt thời gian sống chung, nên anh H dùng số tiền này chi trả là không hợp lý. Từ đó không có căn cứ xem xét, nên không chấp nhận.

Chị N thừa nhận 65.000.000đồng anh H giữ và 18.000.000đồng chị N giữ là tài sản chung là có căn cứ chấp nhận.

[04] Tại phiên tòa chị Ngọc, anh H thống nhất tài sản chung gồm: Diện tích đo thực tế là 306,1m², đất (LN), tờ bản đồ số 04, thửa số 990, giá 75.000đồng/m² = 22.957.000đồng; diện tích 8.133,8 m², đất (L), tờ bản đồ số 01, thửa số 2237, giá 50.000đồng/m² = 406.690.000đồng và diện tích 6.055,6m², đất (L), tờ bản đồ số 01, thửa số 18, giá 50.000đồng/m² = 302.780.000đồng; 01 xe

Dream biển số 66 M – 07957, giá 4.000.000đồng; 01 xe wave RS biển số 66M – 24242, giá 15.000.000đồng. Tổng cộng: 751.427.000đồng;

Ngoài ra tài sản chung còn có 24 cây mai trị giá 171.500.000đồng và anh H giữ 65.000.000đồng, chị N giữ 18.000.000đồng. tổng cộng: 254.500.000đồng.

Như vậy, tài sản chung của chị N, anh H trị giá tổng cộng: 1.005.927.000đồng được chia mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ tài sản số tiền 502.963.500đồng.

+ Chị N nhận tài sản gồm diện tích 153m²,05 đất (LN), tờ bản đồ số 04, thửa số 990, tương đương số tiền 11.478.500đồng; diện tích 4.066,9m², đất (L), tờ bản đồ số 01; thửa số 2237, trị giá 203.345.000đồng và diện tích 3.027,8m², đất (L), tờ bản đồ số 01, thửa số 18, trị giá 151.390.000đồng và 18.000.000đồng đang giữ. Tổng cộng 384.213.500đồng - 502.963.500đồng = thiếu 118.750.000đồng.

+ Ông H nhận tài sản gồm diện tích 153,05m², đất (LN), tờ bản đồ số 04, thửa số 990, trị giá = 11.478.500đồng; diện tích 4.066,9m², đất (L), tờ bản đồ số 01, thửa số 2237, trị giá 203.345.000đồng và diện tích 3.027,8m², đất (L), tờ bản đồ số 01, thửa số 18, trị giá 151.390.000đồng; 24 cây mai trị giá 171.500.000đồng, 02 xe Honda trị giá 19.000.000đồng và 65.000.000đồng đang giữ. Tổng cộng: 621.713.500đồng – 502.963.500đồng = thừa 118.750.000đồng, nên phải giao lại tiền chênh lệch giá trị tài sản là 118.750.000đồng.

[05] Bà M, ông Th rút đơn khởi kiện không yêu cầu giải quyết chị Ngọc, anh Hồng trả 23 chỉ vàng 24k, tương đương 92.000.000đồng mượn năm 1995; 100 gia lúa, tương đương 10.000.000đồng mượn năm 1996; 100.000.000đồng mượn năm 2000; năm 2002 anh H, chị N vay của bà Thời 15.000.000đồng sau đó bà M trả thay đến nay anh H, chị N chưa trả lại; nợ tiền công cấy lúa 03 năm (từ năm 2010 – 2012) số tiền 30.000.000đồng; nợ 3.000.000đồng tiền cọc lúa năm 2016 và tiền thuê kobe từ năm 2011 – 2016 nợ số tiền 360.000.000đồng. Áp dụng khoản 2, Điều 244 của Bộ luật dân sự - Đình chỉ xét xử.

[06] Tại phiên tòa, chị N rút đơn khởi kiện không yêu cầu giải quyết anh H chia tài sản chung 10.000.000đồng (trong số tiền 20.000.000đồng hùn trạm bơm hiện nay ông H đã nhận); Bồi thương danh dự nhân phẩm; Hợp đồng vay với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cao Lãnh; Không yêu cầu giải quyết hợp đồng vay giữa anh H với anh G. Áp dụng khoản 2, Điều 244 của Bộ luật dân sự - Đình chỉ xét xử.

[07] Anh H không yêu cầu giải quyết với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, nên không đặt vấn đề xem xét.

[08] Anh H, anh Lê Trung G không yêu cầu giải quyết hợp đồng vay với chị Ngọc, nên không đặt vấn đề xem xét.

[09] Nguyễn Thị Thùy D: Không có đơn khởi kiện, nên không đặt vấn đề xem xét.

[10] Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Tháp Mười: Không có đơn khởi kiện, nên không đặt vấn đề xem xét.

[11] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Chị N tạm nộp số tiền 12.581.000đồng đã chi xong, chị Ngọc phải chịu số tiền 2.690.500đồng và anh H phải chịu số tiền 2.690.500đồng để trả lại chị Ngọc.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà M, ông T thuộc trường hợp được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm;
- Bà Nguyễn Thị Kim N phải nộp 24.118.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Anh Nguyễn Thanh H phải nộp 24.118.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Đối với bà M, chị D, ông G, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tháp Mười đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 33, Điều 59, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 158, , Điều 165, Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.**

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Hồng M, ông Nguyễn Văn T yêu cầu được sở hữu 14 cây mai tranh chấp với chị Nguyễn Thị Kim N. Tọa lạc: Ấp 4, xã M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Về quan hệ tài sản chung:

+ **Chị N nhận tài sản gồm:**

18.000.000đồng đang giữ.

Diện tích 153,05m², đất (LN), tờ bản đồ số 04, thửa số 990. Tứ cận: Trong phạm vi các mốc gồm: M4, M3, M10, M7, M8, và M4 (Có sơ đồ ngày 19/6/2020 của Chi nhánh văn phòng ĐKĐĐ huyện Tháp Mười kèm theo).

Diện tích 4.066,9m², đất (L), tờ bản đồ số 01; thửa số 2237. Tứ cận: Trong phạm vi các mốc gồm: M10, M9, M1, 1 và M10 (Có sơ đồ ngày 19/6/2020 của Chi nhánh văn phòng ĐKĐĐ huyện Tháp Mười kèm theo).

Diện tích 3.027,8m², đất (L), tờ bản đồ số 01, thửa số 18. Tứ cận: Trong phạm vi các mốc gồm: M11, M12, 4, M7, M13 và M11 (Có sơ đồ ngày 19/6/2020 của Chi nhánh văn phòng ĐKĐĐ huyện Tháp Mười kèm theo).

- Anh Nguyễn Thanh H phải giao lại chị Nguyễn Thị Kim N tiền chênh lệch giá trị tài sản là 118.750.000đồng (Một trăm mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Hồng chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

+ Ông H nhận tài sản gồm:

65.000.000đồng đang giữ;

24 cây mai trị giá 171.500.000đồng;

01 xe Dream biển số 66 M – 07957; 01 xe wave RS biển số 66M – 24242, trị giá tổng cộng: 19.000.000đồng.

Diện tích 153,05m², đất (LN), tờ bản đồ số 04, thửa số 990. Tứ cận: Trong phạm vi các mốc gồm: M1, M2, M9, M7, M8, và M1 (Có sơ đồ ngày 19/6/2020 của Chi nhánh văn phòng ĐKĐĐ huyện Tháp Mười kèm theo).

Diện tích 4.066,9m², đất (L), tờ bản đồ số 01; thửa số 2237. Tứ cận: Trong phạm vi các mốc gồm: 8, M2, M9, M10 và 8 (Có sơ đồ ngày 19/6/2020 của Chi nhánh văn phòng ĐKĐĐ huyện Tháp Mười kèm theo).

Diện tích 3.027,8m², đất (L), tờ bản đồ số 01, thửa số 18. Tứ cận: Trong phạm vi các mốc gồm: M8, 5, M12, M11 và M8 (Có sơ đồ ngày 19/6/2020 của Chi nhánh văn phòng ĐKĐĐ huyện Tháp Mười kèm theo).

- Chị Nguyễn Thị Kim N, anh Nguyễn Thanh H phải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo luật định.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Trương Thị Hồng M, ông Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết chị N, anh H trả 23 chỉ vàng 24k; 100 gạ lúa; 100.000.000đồng; 15.000.000đồng chị N, anh H vay của bà T, sau đó bà M trả thay; tiền công cắt lúa số tiền 30.000.000đồng; 3.000.000đồng tiền cọc lúa; tiền thuê kobe số tiền 360.000.000đồng.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu giải quyết anh H chia tài sản chung 10.000.000đồng (trong số tiền 20.000.000đồng hùn trạm bơm hiện nay ông H đã nhận); Bồi thương danh dự nhân phẩm; Hợp đồng vay với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cao Lãnh; Không yêu cầu giải quyết hợp đồng vay giữa anh H với anh G.

- Về chi phí xem xét thẩm định và định giá: Chị N tạm nộp số tiền 12.581.000đồng đã chi xong, chị N phải chịu 6.290.000đồng; anh H phải trả chị N số tiền 6.290.000đồng (Sáu triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà M, ông T thuộc trường hợp được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm;

+ Chị Nguyễn Thị Kim N phải nộp 24.118.500đồng (Hai mươi bốn triệu, một trăm mười tám nghìn, năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 8.926.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: BH/2018 0007009 ngày 10/12/2019 và 900.000đồng theo biên lai thu số: BI/2019 0000536 ngày 12/5/2020. Chị N còn phải nộp tiếp số tiền 14.292.500đồng (Mười bốn triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm đồng), tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

+ Anh Nguyễn Thanh H phải nộp 24.118.500đồng (Hai mươi bốn triệu một trăm mười tám nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện;
- THADS Huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Jet).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Ngọc Tuấn